



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Ngành: Kinh tế phát triển
Development Economics

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kinh tế
Tên chương trình	Kinh tế phát triển
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã số ngành đào tạo	8310105
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	2 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Kinh tế phát triển
Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	4/2022
Quyết định ban hành	Số 569/QĐ-ĐHNT ngày 16/5 /2022

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Kinh tế phát triển là một nhánh của kinh tế học, tập trung vào việc làm thế nào để mọi người trong một xã hội có thể thoát khỏi đói nghèo và tận hưởng một mức sống tốt hơn. Về cơ bản, các nghiên cứu kinh tế phát triển có thể được chia thành hai loại: kinh tế (tăng trưởng kinh tế, thay đổi cơ cấu nền kinh tế, sự thay đổi về công nghệ,...) và xã hội (thể chế, y tế, giáo dục, điều kiện làm việc,...). Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế phát triển sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội mà các nước hiện nay đang gặp phải, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam. Cấu trúc chương trình được thiết kế dựa trên bốn trụ cột chính, bao gồm:

(1) Khối kiến thức và kỹ năng tổng quát giúp người học có tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học, ý thức trách nhiệm; năng lực tổ chức và quản lý phục vụ các hoạt động nghề nghiệp một cách hiệu quả; khả năng sáng tạo, năng lực ngoại ngữ để vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc;

(2) Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thiết kế với ba nội dung chính, gồm: (a) Các môn học mang tính cơ sở lý luận nhằm trang bị cho người học những kiến thức tổng quát, nền tảng về kinh tế học, kinh tế phát triển đặt nền móng phát triển tư duy và kỹ năng phân tích (Ví dụ: Kinh tế vi mô ứng dụng; Kinh tế vĩ mô ứng dụng; Kinh tế phát triển,...); (b) Các môn học cung cấp kiến thức chuyên ngành nhằm giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học một cách trực tiếp vào các vấn đề

cụ thể trong thực tế (*Ví dụ*: Kinh tế tài nguyên và môi trường; Kinh tế và các tổ chức thương mại quốc tế; Tài chính phát triển; Kinh tế số; Kinh tế sức khỏe; Chiến lược phát triển vùng và địa phương,...), và (c) Các môn học về kỹ năng phân tích nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng và công cụ quan trọng được sử dụng trong phân tích dữ liệu (*Ví dụ*: Kinh tế lượng ứng dụng; Thống kê ứng dụng; Phân tích và dự báo kinh tế; Tiếng anh học thuật; Phương pháp nghiên cứu kinh tế,...).

(3) Thực tập/ nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai: Thực tập, đi thực tế, trải nghiệm sản xuất; nghiên cứu triển khai, kiểm nghiệm, ứng dụng lý thuyết, khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản lý.

(4) Tốt nghiệp: Đề tốt nghiệp, học viên có thể làm đề án/ đồ án hoặc dự án là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế phát triển nhằm giúp cho người học bổ sung, cập nhật, nâng cao tri thức, kỹ năng chuyên môn và năng lực hoạt động nghề nghiệp với các mục tiêu sau:

1. PEO1: Có tri thức phương pháp luận và thể giới quan khoa học, ý thức trách nhiệm; kiến thức nâng cao về khoa học quản lý, quản trị và kinh tế; năng lực tổ chức và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến; khả năng sáng tạo, thích nghi và tự định hướng; năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin để vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc;
2. PEO2: Có kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi công tác, sáng tạo trong công việc; Nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học và sử dụng tốt các công cụ phân tích số liệu để thu thập và xử lý dữ liệu kinh tế một cách khoa học và đúng đắn;
3. PEO3: Nắm vững các nguyên lý kinh tế học; có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, hiện đại về kinh tế phát triển và khả năng vận dụng những kiến thức chuyên môn này vào các vấn đề thực tế trong công việc liên quan;
4. PEO4: Có năng lực phân tích, đánh giá, dự báo, hoạch định và tổ chức thực thi các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế phát triển.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển, người học có những phẩm chất và năng lực sau:

1. PLO1: Có cơ sở lý luận triết học áp dụng cho công việc học tập, nghiên cứu thuộc lĩnh vực đào tạo; vận dụng các kiến thức hiện đại về phương pháp luận khoa học, khoa học quản trị, quản lý và kinh tế để phát triển nghề nghiệp; có trách nhiệm trong công việc, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội;
2. PLO2: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ và khả năng truyền đạt tri thức để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp; đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết công việc chuyên môn;

3. PLO3: Triển khai thực hiện các nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học – công nghệ trong lĩnh vực kinh tế phát triển nói riêng và kinh tế học nói chung;
4. PLO4: Vận dụng những nguyên lý cơ bản của kinh tế học và các lý thuyết chuyên sâu về kinh tế phát triển để giải quyết các vấn đề thực tiễn;
5. PLO5: Vận dụng hệ thống kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình dự án phát triển trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.
6. PLO6: Phân tích, đánh giá, dự báo kinh tế và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội.

V. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs					
	1	2	3	4	5	6
1	x	x				
2		x	x			
3				x		
4					x	x

VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Chuyên viên chính trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương: các Sở, Ban, Ngành, Vụ, Viện;
2. Chuyên viên phân tích và quản lý dự án trong các tổ chức phát triển quốc tế, tổ chức phi chính phủ, bao gồm: bộ phận điều phối chương trình, dự án phát triển; bộ phận nghiên cứu, xây dựng, triển khai các dự án phát triển của quốc tế ở Việt Nam;
3. Nghiên cứu viên, giảng viên trong các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục và đào tạo bậc cao khối ngành kinh tế;
4. Tư vấn viên, chuyên viên cấp trung trong các công ty tư nhân, ngân hàng, doanh nghiệp Nhà nước hoặc tư vấn độc lập có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội (ví dụ: y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường,...).
5. Chuyên viên phân tích và dự báo kinh tế các ngân hàng và quỹ đầu tư.

VII. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng đại học

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, phù hợp và ngành gần; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

TT	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Các yêu cầu khác
1	Ngành đúng, phù hợp Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Quản lý kinh tế; Kinh tế các ngành và lĩnh vực; Phát triển nông thôn; Hệ thống nông nghiệp.	không	Căn cứ trên bảng điểm đại học, sẽ xét các môn học bổ sung.
2	Ngành gần/ khác 1) Kinh doanh, bao gồm: Kinh doanh; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh thương mại; Marketing; Thương mại; Quản trị nhân lực; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh các ngành và lĩnh vực; 2) Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, bao gồm: Tài chính – Ngân hàng; Tài chính công; Bảo hiểm; Hải quan; Tài chính quốc tế; Thị trường và các định chế tài chính; 3) Kế toán – Kiểm toán, bao gồm: Kế toán; Kiểm toán; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán đơn vị sự nghiệp; Kế toán công; 4) Quản trị - Quản lý, bao gồm: Khoa học quản lý; Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; Quản lý công nghiệp; Quản lý năng lượng; Logistics và chuỗi cung ứng; 5) Tốt nghiệp đại học khối ngành Khoa học tự nhiên và Công nghệ 6) Tốt nghiệp đại học khối ngành Khoa học xã hội và Nhân văn, Ngoại ngữ	có	Căn cứ trên bảng điểm đại học, sẽ xét các môn học bổ sung.

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức:

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm, học viên thuộc đối tượng có bằng đại học ngành gần, khác phải học bổ túc tổng khối lượng các học phần không quá 12 tín chỉ. Học viên sẽ học các học phần sau:

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ECS329	Kinh tế vi mô	3(3-0)
2	ECS330	Kinh tế vĩ mô	3(3-0)
3	ECS334	Kinh tế phát triển	3(3-0)
4	ECS332	Kinh tế lượng	3(3-0)

3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển kết hợp giữa xét tuyển với thi tuyển theo đề án tuyển sinh từng năm

VIII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Phần	Nội dung		Khối lượng	Tỷ lệ
1	Tổng quát		15 TC	25%
	Bắt buộc	Học phần Triết học (4 tín chỉ). Tiếng Anh (6 tín chỉ).	10 TC	17%
	Tự chọn	Các học phần kiến thức và kỹ năng tổng quát phục vụ cho hoạt động chuyên môn nghề nghiệp hiệu quả.	5 TC	8%
2	Ngành và chuyên ngành		30 TC	50%
	Bắt buộc	Các học phần có nội dung thiết yếu của ngành, chuyên ngành nhằm bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.	20 TC	33%
	Tự chọn	Các học phần mở rộng và nâng cao kiến thức của ngành, liên ngành hoặc đa dạng hoá hướng chuyên môn.	10 TC	17%
3	Thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai			
	Bắt buộc	Thực tập, đi thực tế, trải nghiệm sản xuất; nghiên cứu triển khai, kiểm nghiệm, ứng dụng lý thuyết, khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản lý.	6 TC	10%
4	Tốt nghiệp			
	Bắt buộc	Học phần tốt nghiệp: Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9 TC	15%
Tổng số tín chỉ của chương trình			60 TC	100%

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức tổng quát		15	
1.1. Các học phần bắt buộc		10	
POS501	Triết học/ <i>Philosophy</i>	4(4-0)	
FLS501	Tiếng Anh học thuật 1	3(3-0)	
FLS502	Tiếng Anh học thuật 2	3(3-0)	
1.2. Các học phần tự chọn		5	
Nhóm 1: Chọn 01 học phần		3	
BUA525	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	3(3-0)	
TRE512	Thương mại điện tử/ E-Commerce	3(3-0)	
BUA529	Quản lý dự án/ Project Management	3(3-0)	
Nhóm 2: Chọn 01 học phần		2	

GS510	Phương pháp luận khoa học/ Scientific Methodology	2(2-0)	
GS512	Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo/ Critical and Creative Thinking	2(2-0)	
2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		30	
2.1. Các học phần bắt buộc		20	
ECS530	Kinh tế vi mô ứng dụng/ Applied Microeconomics	2(2-0)	
ECS531	Kinh tế vĩ mô ứng dụng/ Applied Macroeconomics	2(2-0)	
ECS511	Thống kê ứng dụng/ Applied Statistics	2(1,5-0,5)	
ECS533	Kinh tế lượng ứng dụng/ Applied Econometrics	3(2-1)	ECS511
ECS523	Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế/ Data Analysis And Forecasting Economic	2(2-0)	ECS511; ECS508
ECS517	Phương pháp nghiên cứu kinh tế/ Economics Research Methods	3(2-1)	ECS511; ECS511; ECS508
ECS512	Kinh tế phát triển/ Development Economics	3(3-0)	
ECS532	Chiến lược phát triển vùng và địa phương/ Strategies for Local and Regional Development	3(3-0)	
2.2. Các học phần tự chọn		10	
TRE508	Kinh tế và các tổ chức thương mại quốc tế/ Economics and International Trade Organizations	2(2-0)	
ECS535	Tài chính phát triển/ Development Finance	3(3-0)	
ECS534	Kinh tế tài nguyên và môi trường/ Natural Resource and Environmental Economics	3(3-0)	
ECM506	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực/ Human Resource Economics and Management	2(2-0)	
ECS513	Phân tích hiệu quả và năng suất/ Analysis of Efficiency and Productivity	2(2-0)	
ECS541	Thẩm định dự án đầu tư công/ Public Project Appraisal	3(3-0)	
ECS539	Kinh tế số/ Digital Economics	3(3-0)	
ECS540	Kinh tế sức khỏe/ Health Economics	2(2-0)	
3. Thực tập/ nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai			
ECS545	Thực tập nghề nghiệp	6	
4. Tốt nghiệp			
DEE7901	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9	
Tổng cộng:		60	

2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra (PLOs)					
				1	2	3	4	5	6
I	Kiến thức chung								

	Các HP bắt buộc								
1	POS501	Triết học	4	I	R				
2	FLS501	Tiếng Anh học thuật 1	3		I				
3	FLS502	Tiếng Anh học thuật 2	3			R			
	Các HP tự chọn								
4	BUA525	Khoa học quản lý	3	I					
5	TRE512	Thương mại điện tử	3	I					
6	BUA529	Quản lý dự án	3	I					
7	GS510	Phương pháp luận khoa học	2		I	I			
8	GS512	Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo	2		I				
II Kiến thức cơ sở và chuyên ngành									
	Các HP bắt buộc								
9	ECS530	Kinh tế vi mô ứng dụng	2				R	M	
10	ECS531	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	2				R	M	
11	ECS511	Thống kê ứng dụng	2			R			M
12	ECS533	Kinh tế lượng ứng dụng	3			R			M
13	ECS523	Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế	2			R			M
14	ECS517	Kinh tế phát triển	3				M	M	
15	ECS512	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3		M	M			M
16	ECS532	Chiến lược phát triển vùng và địa phương	3				R	M	
	Các HP tự chọn								
17	TRE508	Kinh tế và các tổ chức thương mại quốc tế	2				I	R	
18	ECS535	Tài chính phát triển	3				I	R	
19	ECS534	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2				I	R	
20	ECM506	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực	2				I	R	
21	ECS513	Phân tích hiệu quả và năng suất	2				I	R	
22	ECS541	Thẩm định dự án đầu tư công	3				I	R	
23	ECS539	Kinh tế số	3				I	R	
24	ECS540	Kinh tế sức khỏe	2				I	R	
III Thực tập/ nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai									
25	ECS545	Thực tập nghề nghiệp	6	R	R	R	R	R	R
IV Tốt nghiệp									
26	DEE7901	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9	R	R	M	M	M	M

X. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch tiêu chuẩn trong 4 học kỳ: 3 học kỳ đầu học các học phần kiến thức chung, kiến thức ngành và chuyên ngành, học kỳ thứ tư

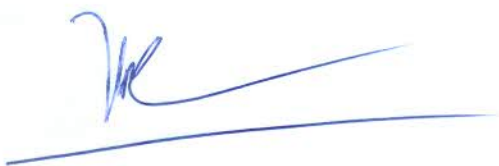
thực hiện thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai và/hoặc làm luận văn, đề án tốt nghiệp.

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu. Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Sau Đại học và cố vấn học tập (nếu có) hoặc Ban chủ nhiệm chương trình tư vấn học viên đăng ký các học phần tự chọn phù hợp với hướng chuyên môn của học viên.

Các phương pháp và hoạt động dạy - học nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra; các phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng được công bố công khai và được thực hiện một cách phù hợp và hiệu quả trong quá trình tổ chức đào tạo.

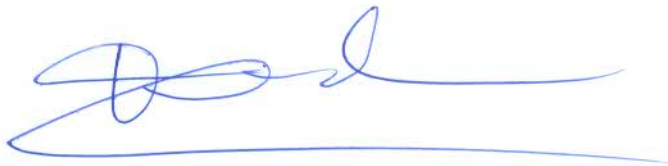
Các hoạt động hỗ trợ người học như cho mượn, truy cập tài liệu tại Thư viện; sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập và nghiên cứu, giới thiệu nơi thực tập... được Nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

TRƯỜNG KHOA



PGS.TS. Hồ Huy Tựu

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



TS. Phạm Thành Thái

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Trung

HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT

